

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu,

Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo chủng loại, quy cách, xuất xứ, dung tích/kích thước và giá cả danh mục dụng cụ thủy tinh phòng thí nghiệm phục vụ giảng dạy, thực hành và làm cơ sở lập kế hoạch, tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua dụng cụ thủy tinh phòng thí nghiệm phục vụ giảng dạy, thực hành của trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên.

I. Thông tin đơn vị yêu cầu chào giá

1. Đơn vị yêu cầu: Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên

2. Thông tin bên tiếp nhận yêu cầu chào giá:

- Phòng Tài chính Cơ sở vật chất thuộc trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên; Email: tump.edu.vn2@gmail.com

- Người tiếp nhận: Bà Hà Thương Huyền

- Chức vụ: Chuyên viên

- Số điện thoại: 0332 325 782

3. Cách thức tiếp nhận chào giá:

Nhận trực tiếp trong giờ hành chính tại phòng Tài chính – Cơ sở vật chất, Trường

Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên; Địa chỉ: Tòa nhà A1, số 284, đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên, hoặc bản scan gửi Email.

2. Nội dung yêu cầu báo giá: (Chi tiết danh mục hàng hóa tại phụ lục kèm theo)

3. Thời điểm tiếp nhận báo giá: Trong vòng từ 7 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Website.

4. Thời gian hiệu lực báo giá: Tối thiểu 60 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá

5. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Đề nghị Quý đơn vị gửi bảng báo giá đối với mặt hàng dụng cụ thủy tinh phòng thí nghiệm phục vụ giảng dạy, thực hành trong đó ghi rõ: Tên hàng hóa; quy cách đóng gói, kích thước, dung tích; chất liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật; xuất xứ/ hãng sản xuất; chất lượng hàng hóa (mới 100%, nguyên đai, nguyên kiện, có tem nhãn, chứng từ hợp pháp theo quy định), đơn giá (chưa VAT, có VAT), tổng giá trị chào, điều kiện giao hàng và thanh toán,...

- Đồng tiền chào giá: Việt Nam đồng

- Địa điểm cung cấp: Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên; Địa chỉ: Số 284, đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

Cám ơn sự quan tâm của Quý đơn vị!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCCSVC.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS. TS Trần Văn Tuấn

DANH MỤC CHI TIẾT HÀNG HOÁ

(Kèm theo công văn số: **444**/ĐHYD-TCCSVC ngày 19/9/2025)

STT	Tên VT, HC, SVP	ĐVT	Số lượng	Ghi chú*
1	Bình cầu có nút mài	Cái	12	
2	Bình định mức 10ml	Chiếc	50	
3	Bình định mức 50ml	Cái	130	
4	Bình định mức 100ml	Cái	30	
5	Bình định mức 250ml	Cái	14	
6	Bình đựng dung môi sắc ký (kt 16*16*10)	Cái	6	
7	Bình gạn 125ml	Cái	20	
8	Bình hút ẩm 240mm	Cái	5	
9	Bình nón 100ml có nắp miệng rộng	Chiếc	120	
10	Bình nón 100ml MR	Cái	32	
11	Bình nón không nút 100 ml	Cái	100	
12	Bình nón nút mài 100 ml MR	Cái	50	
13	Bình nón nút mài MR 250ml	Cái	8	
14	Bình ngâm rượu có vòi 2 lít	Cái	24	
15	Bình phun sắc ký 50ml	Bộ	10	
16	Bình sắc ký bản mỏng 20 * 20 cm	Cái	14	
17	Bình tam giác 1 vòi 1 lít	Cái	5	
18	Bình thủy tinh 3L có nắp (2,5L)	Cái	3	
19	Bình thủy tinh màu, nút mài 500ml	Cái	20	
20	Bô can thủy tinh (Cao 30cm, rộng 8cm)	Cái	2	
21	Bô can thủy tinh 30cm*15cm	Cái	2	
22	Bộ cất tinh dầu (bình cầu 1 lít)	Bộ	10	
23	Bộ xác định ethanol theo dược điển	Bộ	4	
24	Bộ xác định tinh dầu theo dược điển IV	Bộ	5	
25	Buret Đức có khoá nhựa 25ml	Cái	46	
26	Cốc có chân 1000ml	Cái	5	
27	Cốc đong có chân kẻ độ 1 lít	Cái	2	
28	Cốc đong có chân kẻ độ 100ml	Cái	20	

STT	Tên VT, HC, SVP	ĐVT	Số lượng	Ghi chú*
29	Cốc đong có chân kẻ độ 250 ml	Cái	20	
30	Cốc đót 50ml	Cái	60	
31	Cốc đót 100ml	Cái	94	
32	Cốc đót 150 ml	Cái	5	
33	Cốc đót 200ml	Cái	10	
34	Cốc đót 250 ml	Cái	35	
35	Cốc đót 500 ml	Cái	5	
36	Cốc đót 1000ml	Cái	28	
37	Cốc có mỏ 25ml	Cái	10	
38	Cốc mỏ 50ml	Cái	50	
39	Cốc mỏ 100ml	Cái	220	
40	Cốc có mỏ 250 ml	Cái	35	
41	Cốc có mỏ 500 ml	Cái	25	
42	Cốc có mỏ 1 lít	Cái	10	
43	Cột nhồi sắc kí thủy tinh 3100ml, ID63.3xH800mm, khóa PTFE, Scilab	Cái	2	
44	Cột nhồi sắc kí thủy tinh 1100ml, ID 45xH700mm, khóa PTFE, Scilab	Cái	3	
45	Cột nhồi sắc kí thủy tinh 190ml, ID 22xH500mm, khóa PTFE, Scilab	Cái	2	
46	Cột nhồi sắc kí thủy tinh 350ml, ID 30xH500mm, khóa PTFE, Scilab	Cái	3	
47	Chai công tơ gút nâu 60ml	Cái	24	
48	Chai nút mài MH 125 ml trắng	Cái	124	
49	Chai nút mài MH 125ml nâu	Cái	29	
50	Chai nút mài MH 500 ml trắng	Cái	10	
51	Chai nút mài MH 1000 ml trắng	Cái	12	
52	Chai nút mài MH 1000 ml nâu	Cái	6	
53	Chai nút mài MH 2500ml trắng	Cái	11	
54	Chai nút mài MH 2500ml nâu	Cái	11	
55	Chai nút mài MR 500 ml trắng	Cái	5	

STT	Tên VT, HC, SVP	ĐVT	Số lượng	Ghi chú*
56	Chai nút mài MR 500ml (nâu)	Cái	15	
57	Chai nút mài MR 1000 ml nâu	Cái	10	
58	Chậu thủy tinh phi 15 cm x 10cm	Cái	11	
59	Chậu thủy tinh 20 cm	Cái	6	
60	Đũa thủy tinh 15 cm	Cái	70	
61	Đũa thủy tinh 20 cm	Cái	40	
62	Đũa thủy tinh 30 cm	Cái	50	
63	Hộp lồng phi 10	Bộ	50	
64	Hộp tiêu bản nắp mài	Cái	5	
65	La men (Đức) 22*22	Hộp	155	
66	Lam kính (70)	Hộp	20	
67	Lam kính 7101	Hộp	50	
68	Lam kính 72 không mài	Hộp	243	
69	Lam kính 72 có mài	Hộp	72	
70	lam kính tròn 76x26mm	Hộp	5	
71	lọ 125ml trắng miệng hẹp	Cái	20	
72	lọ 125ml trắng miệng rộng	Cái	10	
73	lọ 125ml màu miệng hẹp	Cái	20	
74	lọ 125ml màu miệng rộng	Cái	10	
75	lọ 1000ml trắng miệng hẹp	Cái	20	
76	lọ 1000ml màu miệng hẹp	Cái	20	
77	Lọ Bicilin	Cái	200	
78	Lọ nhỏ giọt 60ml trắng	Cái	140	
79	Lọ nhỏ giọt 60ml nâu	Cái	60	
80	Lọ nhỏ giọt trắng 125 ml	Lọ	50	
81	Lọ nhỏ giọt nâu 125 ml	Lọ	50	
82	Ống Durham (Dunham)	Cái	50	
83	Ống đong 25ml	Cái	30	
84	Ống đong 100ml không nút	Cái	12	
85	ống hút 1 bầu 2 vạch 1ml	Chiếc	20	
86	ống hút 1 bầu 2 vạch 2ml	Chiếc	20	

STT	Tên VT, HC, SVP	ĐVT	Số lượng	Ghi chú*
87	Ống hút paster 20cm có nút	Cái	15	
88	Ống hút thẳng 1ml pp chia vạch	Cái	20	
89	Ống hút thẳng 2ml	Cái	20	
90	Ống hút thẳng 5ml	Cái	30	
91	Ống hút thẳng 10 ml	Cái	20	
92	Ống hút thẳng 20 ml	Cái	30	
93	Ống mao quản 10 μ l	Cái	120	
94	Ống mao quản chấm sắc ký 5 μ l - Đức	Ống	50	
95	ống mao quản chấm sắc kí 10 μ l, dài 125mm	Hộp	5	
96	Ống nối từ bình cầu sang sinh hàn	Cái	5	
97	Ống nghiệm	Cái	50	
98	Ống nghiệm (nắp xanh)	Ống	200	
99	ống nghiệm 15ml	Cái	30	
100	ống nghiệm 8mm*10cm	Cái	790	
101	Ống nghiệm có nắp phi 18	Chiếc	200	
102	Ống nghiệm đáy bằng có nắp D16-F18	Cái	150	
103	Ống nghiệm đáy bằng có nắp phi 18 x16 nắp sắt	Cái	200	
104	Ống nghiệm đáy bằng có nắp phi 18*16	Cái	100	
105	ống nghiệm Heparin	Ống	100	
106	Ống nghiệm nhỏ (10*7)	Cái	100	
107	ống nghiệm phi 18mm x18cm	Ống	1600	
108	Ống nghiệm sinh hóa	Cái	200	
109	Ống nghiệm thủy tinh phi 14	Ống	500	
110	Ống sinh hàn	Cái	10	
111	Ống sinh hàn thẳng	Cái	20	
112	Pipet bầu 10 ml	Cái	30	
113	Pipet bầu 15 ml	Chiếc	20	
114	Pipet chia vạch 15ml	Chiếc	10	
115	Pipet chia vạch thẳng 10 ml	Cái	20	
116	Pipet chính xác 1ml	Cái	15	

STT	Tên VT, HC, SVP	ĐVT	Số lượng	Ghi chú*
117	Pipet hút thẳng 25ml(chia vạch)	Chiếc	15	
118	Pipet paster	Cái	20	
119	Pipet paster dài 25cm	Chiếc	50	
120	pipet tương đối 1ml	Cái	30	
121	Pipet thẳng 1 ml	Cái	40	
122	Pipet thẳng 2 ml	Cái	40	
123	Pipet thẳng 5 ml	Cái	84	
124	Phễu chiết thuỷ tinh 250 ml	Cái	20	
125	Phễu lọc chân không Buchner	Bộ	2	
126	Phễu lọc inox có lưới lọc 18cm	Cái	8	
127	Phễu lọc thuỷ tinh	Cái	20	
128	Phễu thuỷ tinh phi 8,5cm	Cái	0	
129	Phễu thuỷ tinh phi 6cm	Cái	62	
130	Phễu thuỷ tinh phi 15cm	Cái	32	
131	Phễu thuỷ tinh phi 20cm	Cái	3	
132	Que chang gạt	Cái	20	
133	Sùng bò (Nồi đầu ống sinh hàn)	Cái	5	

